

Các văn bản đã ban hành

PHỦ THỦ TƯỚNG

NGHỊ ĐỊNH số 321 — TTg ngày 27-8-1959
thành lập các Viện Công tố phúc thẩm
và Viện Công tố các cấp.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ nghị định số 256 — TTg ngày 1 tháng 7 năm 1959
quy định nhiệm vụ và tổ chức của Viện công tố các cấp;
Theo đề nghị của ông Viện trưởng Viện Công tố trung
ương.

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay thành lập các Viện Công tố phúc
thẩm Hà nội, Hải phòng, Vinh, Khu Tự trị Việt
bắc và Khu Tự trị Thái — Mèo.

Quản hạt Viện Công tố phúc thẩm Hà nội gồm
thành phố Hà nội và các tỉnh Hà đông, Sơn tây,
Hà nam, Nam định, Ninh bình, Hòa bình, Hưng
yên, Hải dương, Thái bình, Bắc ninh, Bắc giang,
Vĩnh phúc, Phú thọ, Yên bái và Lào cai.

Quản hạt Viện Công tố phúc thẩm Hải phòng
gồm thành phố Hải phòng, khu Hồng quang và các
tỉnh Hải ninh, Kiến an.

Quản hạt Viện Công tố phúc thẩm Vinh gồm các
tỉnh Thanh hóa, Nghệ an, Hà tĩnh, Quảng bình và
khu vực Vĩnh linh.

Quản hạt Viện Công tố phúc thẩm Khu tự trị
Việt bắc gồm các tỉnh trong Khu tự trị Việt bắc.

Quản hạt Viện Công tố phúc thẩm Khu tự trị
Thái — Mèo gồm các châu trong Khu tự trị Thái —
Mèo.

Điều 2. — Nay thành lập các Viện Công tố thành
phố Hà nội và Hải phòng, Viện Công tố Khu Hồng
quang, các Viện Công tố tỉnh và khu vực Vĩnh
linh, Công tố huyện và đơn vị tương đương cấp
huyện.

Điều 3. — Các Viện Công tố phúc thẩm, các Viện
Công tố thành phố, tỉnh, khu Hồng quang và khu
vực Vĩnh linh có Viện trưởng, và có thể có Viện
phó và một số Công tố ủy viên.

Ở huyện và đơn vị tương đương cấp huyện có
một Công tố ủy viên phụ trách và cán bộ giúp
việc.

Điều 4. — Viện trưởng Viện Công tố trung ương
quy định chi tiết thi hành nghị định này.

Điều 5. — Ông Viện trưởng Viện Công tố trung
ương chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 2 tháng 8 năm 1959

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

NGHỊ ĐỊNH số 331 — TTg ngày 1-9-1959
quy định hệ thống cấp bậc hàm Công
an nhân dân vũ trang và công an
hiệu, cấp hiệu, phù hiệu, lễ phục
của Công an nhân dân vũ trang.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ luật quy định chế độ phục vụ của sĩ quan Quân
đội nhân dân Việt nam đã được Quốc hội nước Việt nam
dân chủ cộng hòa thông qua trong khóa họp thứ 8 ngày
29-4-1958 và đã được ban hành do sắc lệnh số 109—SL/L11
ngày 31 tháng 5 năm 1958;

Căn cứ nghị định số 100—TTg ngày 3 tháng 3 năm 1959
thành lập Công an nhân dân vũ trang;

Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Công an;

Căn cứ nghị quyết của hội nghị Thường vụ Hội đồng
Chính phủ;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Nay quy định hệ thống cấp bậc hàm
Công an nhân dân vũ trang và công an hiệu, cấp
hiệu, phù hiệu và lễ phục của Công an nhân dân
vũ trang như sau:

CHƯƠNG I

HỆ THỐNG CẤP BẬC HÀM CÔNG AN NHÂN DÂN VŨ TRANG

Điều 2. — Hệ thống hàm công an nhân dân vũ
trang gồm các cấp bậc sau đây:

— Binh sĩ: Binh nhì
Binh nhất

— Hạ sĩ quan: Hạ sĩ
Trung sĩ
Thượng sĩ

— Sĩ quan:
Ủy : Thiếu úy
Trung úy
Thượng úy
Đại úy

Tá : Thiếu tá
Trung tá
Thượng tá
Đại tá

Tướng :
Thiếu tướng
Trung tướng
Thượng tướng
Đại tướng

Chuẩn úy chưa phải là sĩ quan, mới là một cấp
chuẩn bị lên sĩ quan.

01263894

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.LawSoft.com

CHƯƠNG II

CÔNG AN HIỆU, CẤP HIỆU, PHÙ HIỆU,
PHÙ HIỆU CÓ KẾT HỢP CẤP HIỆU VÀ LỄ
PHỤC CỦA CÔNG AN NHÂN DÂN VŨ TRANG

Điều 3. — Công an hiệu của sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ trong Công an nhân dân vũ trang ấn định như sau: hình tròn, đường kính 32 ly, nền xanh giữa có quốc kỳ đường kính 20 ly, xung quanh có hai bông lúa, phía dưới hai bông lúa có hai chữ C. A. bên ngoài hai bông lúa có vành màu vàng.

Công an hiệu này cũng dùng cho các loại cảnh sát nhân dân.

Điều 4. — Cấp hiệu và phù hiệu của sĩ quan Công an nhân dân vũ trang ấn định như sau:

Cấp hiệu sĩ quan:

Cấp hiệu sĩ quan đeo ở vai áo, nền màu xanh tươi lá cây và có sao:

- Thiếu úy, thiếu tá, thiếu tướng : một sao
- Trung úy, trung tá, trung tướng : hai sao
- Thượng úy, thượng tá, thượng tướng : ba sao
- Đại úy, đại tá, đại tướng : bốn sao

Cấp hiệu của cấp tướng: sao màu vàng, cục hình quốc huy vàng, nền dệt nổi kiểu chữ nhân và ô vuông.

Cấp hiệu của cấp tá: sao màu bạc, cục màu bạc có hình sao giữa hai bông lúa, hai vạch màu vàng đặt dọc, nền dệt nổi lông dọc.

Cấp hiệu của cấp úy: như cấp tá nhưng chỉ có một vạch màu vàng đặt dọc.

Cấp hiệu của chuẩn úy: giống như cấp úy nhưng không có sao.

2. Phù hiệu sĩ quan:

Phù hiệu sĩ quan đeo ở ve cổ màu xanh tươi lá cây.

Phù hiệu cấp tướng viền màu vàng, phù hiệu cấp tá và úy không viền.

Phù hiệu sĩ quan chuyên môn có hình tượng trưng như sau:

- Công binh: hình nửa bánh xe và xẻng cuốc.
- Thông tin: hình luồng điện.
- Quân y, thú y: hình hồng thập tự.
- Quân pháp: hình mộc và hai thanh kiếm đặt chéo.
- Quân nhu: hình bông lúa và tấm vải.
- Xe hơi, mô-tô: hình tay lái và nhíp xe.
- Kỵ binh: hình móng ngựa có thanh kiếm và khẩu súng trường đặt chéo.
- Thủy đội: hình mỏ neo.
- Văn công: hình dấu hiệu âm nhạc và đàn nguyệt.
- Thể công: hình cung tên.

Điều 5. — Phù hiệu có kết hợp cấp hiệu của sĩ quan Công an nhân dân vũ trang ấn định như sau:

Phù hiệu có kết hợp cấp hiệu của sĩ quan màu xanh tươi lá cây, đeo ở ve cổ áo mùa hạ hoặc mùa đông nhằm phân biệt các cấp bậc của sĩ quan Công an nhân dân vũ trang từ cấp chuẩn úy trở lên.

1. Phù hiệu có kết hợp cấp hiệu của sĩ quan:

- a) Cấp úy: một vạch màu vàng đặt theo chiều ngang phù hiệu.
- b) Cấp tá: hai vạch màu vàng đặt theo chiều ngang phù hiệu.
- c) Cấp tướng: viền màu vàng.
- Chuẩn úy: không có sao
- Thiếu úy, thiếu tá: có một sao màu bạc trên vạch màu vàng.
- Trung úy, trung tá: có hai sao màu bạc trên vạch màu vàng.
- Thượng úy, thượng tá: có ba sao màu bạc trên vạch màu vàng.
- Đại úy, đại tá: có bốn sao màu bạc trên vạch màu vàng.
- Thiếu tướng: giữa phù hiệu có một sao màu vàng.
- Trung tướng: giữa phù hiệu có hai sao màu vàng.
- Thượng tướng: giữa phù hiệu có ba sao màu vàng.
- Đại tướng: giữa phù hiệu có bốn sao màu vàng.

2. Phù hiệu có kết hợp cấp hiệu của các sĩ quan chuyên môn:

- a) Phần trên (về phía vai) có hình tượng trưng chuyên môn như đã quy định ở đoạn 1 điều 4 trên.
- b) Phần dưới (về phía cục cổ áo) chỉ cấp bậc sĩ quan như đã quy định cho các cấp sĩ quan ở đoạn 1 trên đây.

Điều 6. — Cấp hiệu và phù hiệu của hạ sĩ quan và binh sĩ công an nhân dân vũ trang ấn định như sau:

1. Cấp hiệu hạ sĩ quan:

Cấp hiệu hạ sĩ quan đeo ở vai áo, màu xanh tươi lá cây, cục màu bạc có hình sao giữa hai bông lúa và có vạch màu vàng đặt ngang:

- Hạ sĩ: một vạch ngang
- Trung sĩ: hai vạch ngang
- Thượng sĩ: ba vạch ngang

2. Phù hiệu có kết hợp cấp hiệu của hạ sĩ quan:

Phù hiệu có kết hợp cấp hiệu của hạ sĩ quan đeo ở ve cổ áo, màu xanh tươi lá cây, có vạch màu vàng và có sao màu bạc:

- Hạ sĩ: một sao
- Trung sĩ: hai sao
- Thượng sĩ: ba sao

Phù hiệu có kết hợp cấp hiệu của hạ sĩ quan chuyên môn có thêm hình tượng trưng như quy định ở đoạn 2 điều 4 trên.

3. Cấp hiệu và phù hiệu có kết hợp cấp hiệu của binh sĩ:

— Cấp hiệu đeo ở vai nền xanh tươi lá cây, cúc màu bạc có hai bóng lúa, không có vạch.

— Phù hiệu có kết hợp cấp hiệu đeo ở ve áo, màu xanh tươi lá cây và có sao màu bạc:

Binh nhì: một sao

Binh nhất: hai sao

Điều 7. — Lễ phục của cấp tướng và cấp tá ấn định như sau:

1. Cấp tướng:

— Mũ lưỡi trai: thân mũ viền xanh tươi lá cây, dẹt nổi vân, quai tết màu vàng, có hai cánh tùng màu vàng bao quanh công an hiệu.

— Áo: gài chéo, hai hàng cúc, cổ viền xanh tươi lá cây, có hai đường chỉ màu vàng, bác tay viền xanh tươi lá cây có hai đường chỉ màu vàng, phía dưới có một cánh tùng màu vàng. Ve áo có một cánh tùng và một sao màu vàng. Cúc áo màu vàng có hình sao giữa hai bóng lúa.

— Quần: có nẹp màu xanh tươi lá cây, dẹt kiểu chữ nhân, giữa có dọc màu đồng tươi.

— Cờ-ra-vát: mùa hạ: màu đen,
mùa đông: màu xám nhạt.

— Sơ-mi và bít tất tay: màu trắng

— Giầy ngắn cổ, da đen.

2. Cấp tá:

Lễ phục của cấp tá như của cấp tướng, nhưng:

— Mũ lưỡi trai: không có cánh tùng.

— Áo: ve áo không có sao, bác tay không có cánh tùng.

— Quần: nẹp và dọc hẹp hơn của cấp tướng.

Điều 8. — Ngoài lễ phục của cấp tướng và cấp tá, những trang bị khác của sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ Công an nhân dân vũ trang do Bộ Công an quy định.

CHƯƠNG III

THẺ THỨC THI HÀNH

Điều 9. — Tất cả các sĩ quan, hạ sĩ quan và binh sĩ Quân đội nhân dân Việt nam, đã được trao quân hàm, hiện đang phục vụ trong lực lượng Công an nhân dân vũ trang được hưởng cấp bậc hàm Công an nhân dân vũ trang tương đương với cấp bậc quân hàm cũ của mình.

Điều 10. — Ông Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 1 tháng 9 năm 1959

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

CHỈ THỊ số 335-TTg ngày 8-9-1959 về công tác lâm nghiệp.

Kính gửi: Bộ Nông lâm và
các Ủy ban Hành chính khu, tỉnh

Công cuộc kiến thiết xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đòi hỏi ngày càng nhiều lâm sản để cải thiện đời sống nhân dân, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp, thương nghiệp, phát huy đầy đủ tác dụng của rừng rú, trong việc phòng chống hạn, lũ, lụt, gió, bão, v.v... bảo vệ sản xuất, tài sản, sức khỏe của nhân dân.

Diện tích đất rừng của ta rất lớn và ở vùng nhiệt đới, có nhiều loại lâm sản quý, nhiều giống cây tốt, mọc nhanh; rừng núi của ta đại bộ phận là tài sản củ toàn dân; nhân dân ta, đặc biệt các dân tộc miền núi sẵn có nhiều kinh nghiệm về nghề rừng, đang được tổ chức lại và ngày càng có nhiều khả năng hơn để kinh doanh tốt về lâm nghiệp; việc xây dựng và phát triển công thương nghiệp xã hội chủ nghĩa đang mở ra nhiều nguồn tiêu thụ các loại lâm sản chính và phụ rất phong phú của đất nước.

Mấy năm gần đây, ta đã có nhiều cố gắng và đạt được một số thành tích trong công tác lâm nghiệp, nhưng còn có nhiều khuyết điểm hạn chế việc phát huy đầy đủ những thuận lợi nói trên, để xây dựng và phát triển lâm nghiệp xã hội chủ nghĩa, nhằm đáp ứng kịp yêu cầu trước mắt và tương lai: việc khai thác và sử dụng gỗ chưa được tổ chức hợp lý còn nhiều lãng phí, nạn lửa rừng còn phổ biến, việc đốt nương rẫy chưa được hướng dẫn chặt chẽ, công tác gây rừng, tu bổ, cải tạo rừng mới làm được ít.

Bên cạnh những khó khăn khách quan cũng có nhiều nguyên nhân chủ quan. Trong nhận thức tư tưởng của một bộ phận nhân dân và cán bộ còn có những điều sai lệch. Về đường lối, chính sách, chưa có một quan điểm toàn diện về lâm nghiệp xã hội chủ nghĩa; việc điều tra nắm tình hình về lâm nghiệp chưa được tốt và kịp thời, thiếu cơ sở để đề ra hướng phát triển lâm nghiệp dài hạn, rất cần thiết trong việc kinh doanh lâm nghiệp; các chính sách cụ thể cũng chưa được nghiên cứu bổ sung hoặc ban hành cho phù hợp với sự phát triển của tình hình. Cũng do đó: kinh doanh rừng thiếu quy hoạch; quản lý rừng theo lối hành chính, thiếu cơ quan chịu trách nhiệm đối với từng khu rừng; lâm luật xã hội chủ nghĩa chưa được xây dựng; lực lượng sản xuất chưa tổ chức vào nề nếp. Về mặt kỹ thuật chưa làm tốt việc đúc kết kinh nghiệm quần chúng kết hợp với học tập lý luận tiên tiến và công tác nghiên cứu khoa học, cải tiến kỹ thuật và công cụ sản xuất.

Để chấn chỉnh những thiếu sót trên, đẩy công tác lâm nghiệp tiến mạnh, nhanh và toàn diện